

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B  
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **436/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 19/12/2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B- TỈNH Đ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Quỳnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Vương Thị Khánh Loan – Cán bộ hưu trí.

Bà Huỳnh Thị Kim Kiên – Hội liên hiệp phụ

nữ thành phố B.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Minh Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đ tham gia phiên tòa:** Ông Mai Văn Thông – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 2450/2022/TLST–HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 386/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Xuân Th**, sinh năm 2002.

Địa chỉ: Nhà không số, tổ 31, khu phố 3, phường Tr, thành phố B, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Anh **Trần Văn L**, sinh năm 2000.

Địa chỉ: 67G (hay 67G/59), tổ 59, khu phố 8, phường H, thành phố B, tỉnh Đ.

(Chị Th, anh L có đơn xin vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Xuân Th trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn L tự nguyện kết hôn với nhau năm 2020 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh Đ, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã, anh L không chăm lo gia đình, con cái. Vì không muốn gia

đình đổ vỡ nên đã nhiều lần vợ chồng ngồi lại tìm các giải quyết nhưng không có kết quả. Chị và anh L đã ly thân với nhau từ tháng 4 năm 2021 cho đến nay. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

- Về con chung: Có 01 con chung cháu Trần Hải M, sinh ngày 18/03/2021. Ly hôn, chị Th xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M, tạm thời không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị không có ý kiến gì thêm và không nộp thêm tài liệu chứng cứ gì khác.

- **Bị đơn anh Trần Văn L trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Xuân Th tự nguyện kết hôn với nhau năm 2020 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh Đ, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau. Đến tháng 5 năm 2021 sống ly thân, chị Th và cháu M ra ngoài sinh sống. Nay chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh, anh đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung cháu Trần Hải M, sinh ngày 18/03/2021. Ly hôn, anh đồng ý giao cháu M cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:**

+ Về việc kiểm sát chấp hành pháp luật tố tụng: Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết, Tòa án đã xác định đúng theo quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định pháp luật.

+ Về việc giải quyết tranh chấp: Từ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn nguyên đơn chị Nguyễn Thị Xuân Th, cho chị Nguyễn Thị Xuân Th được ly hôn với anh Trần Văn L; Về con chung: Giao cháu Trần Hải M, sinh ngày 18/03/2021 cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời anh L không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Xuân Th phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng:**

**- Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng:**

- Về quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Thị Xuân Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn L. Căn cứ vào Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định chị Nguyễn Thị Xuân Th là nguyên đơn, anh Trần Văn L là bị đơn.

- Về thẩm quyền giải quyết: Anh Trần Văn L có hộ khẩu thường trú tại thành phố B, tỉnh Đ và hiện nay đang sinh sống tại thành phố B, tỉnh Đ. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Xuân Th thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ.

- Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Xuân Th, anh Trần Văn L có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào các Điều 207, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với chị Nguyễn Thị Xuân Th, anh Trần Văn L.

**[2] Về nội dung tranh chấp:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị Xuân Th và anh Trần Văn L tự nguyện kết hôn vào năm năm 2020 tại Ủy ban nhân dân nhân phường H, thành phố B, tỉnh Đ. Được Ủy ban nhân phường H, thành phố B, tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 192/2020, ngày 25/11/2020. Đối chiếu quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống theo chị Th trình bày phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hợp nhau, tháng 4 năm 2021 chị và anh L sống ly thân với nhau cho đến nay. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Th xin ly hôn với anh L. Theo lời khai của anh L thì anh cũng thừa nhận vợ chồng sống với nhau phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân với nhau từ tháng 5 năm 2021 cho đến nay, chị Th và cháu M dọn ra ngoài ở riêng. Nay chị Th xin ly hôn với anh thì anh đồng ý. Do đó, Tòa án căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Xuân Th được ly hôn với anh Trần Văn L.

- **Về con chung:** Chị Th và anh L xác định có 01 con chung cháu Trần Hải M, sinh ngày 18/03/2021. Ly hôn chị Th xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con, anh L đồng ý. Giao cháu Trần Hải M, sinh ngày 18/03/2021 cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời anh Trần Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh L được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

### **[3] Về ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát và đương sự:**

- Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

- Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị Xuân Th phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận;

**[4] Về án phí:** Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị Xuân Th phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Xuân Th, chị Nguyễn Thị Xuân Th được ly hôn với anh Trần Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Hải M, sinh ngày 18/03/2021 cho chị Nguyễn Thị Xuân Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời anh Trần Văn L không cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh L được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí HNGĐ-ST: Chị Nguyễn Thị Xuân Th phải nộp 300.000 đồng án phí, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0004044 ngày 04/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Chị Nguyễn Thị Xuân Th đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Xuân Th, anh Trần Văn L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND TP. B;
- THA dân sự;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu.

**Nguyễn Thị Quỳnh**